Danh mục gói thầu: Vật liệu cho khoa kiểm soát nhiễm khuẩn

(Kèm theo Công văn số 764 /YCBG-BVBT ngày 09 tháng 4 năm 2026)

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật/quy cách và các tiêu chuẩn	Nhóm nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bao đựng tử thi có khóa	91cm x 228cm	Việt Nam	Cái	300
2	Găng tay cao su	30cm	Việt Nam	Đôi	200
3	Găng tay vải dày	24,1x25,4cm	Việt Nam	Đôi	10
4	Tạp dề sản dùng 1 lần nhựa HDFE	45x120cm	Việt Nam	Cái	3.500
5	Thùng rác y tế (đạp chân) xanh, vàng, trắng, đen có logo	15 lít xanh, vàng, trắng, đen có logo	Việt Nam	cái	35
6	Thùng rác y tế (đạp chân)	25 lít xanh, vàng, trắng, đen có logo	Việt Nam	cái	75
7	Thùng rác y tế có bánh xe	100 lít xanh, vàng, trắng, đen có logo	Việt Nam	cái	10
8	Thùng rác y tế có bánh xe	120 lít xanh, vàng, trắng, đen có logo	Việt Nam	cái	25
9	Thùng rác y tế có bánh xe	240 lít xanh, vàng, trắng, đen có logo	Việt Nam	cái	40
10	Thùng rác y tế không bánh xe	60 -80 lít xanh, vàng, trắng, đen có logo	Việt Nam	cái	30
11	Thùng rác y tế tròn có nắp xoay	20 lít trên xe tiêm xanh, vàng có logo	Việt Nam	cái	80
12	Xe vận chuyển rác có bánh xe	660 lít xanh, vàng, đen có logo	Việt Nam	cái	10
13	Bì nilon kính dày	15x25cm	Việt Nam	Kg	400
14	Bì nilon kính dày	25x35cm	Việt Nam	Kg	450
15	Bì nilon kính dày	20x30cm	Việt Nam	Kg	400
16	Bì nilon kính dày	30x40cm	Việt Nam	Kg	300
17	Bì nilon trắng	12x20cm	Việt Nam	Kg	4
18	Nilon xốp vàng thay băng	29 x18 cm	Việt Nam	Kg	250
19	Túi Zip các cỡ	4cm, 5cm, 6cm	Việt Nam	kg	200
20	Bì nylon trắng có quai	24X38 cm (2kg)	Việt Nam	kg	750
21	Bì nylon trắng có quai	19X30 cm (1kg)	Việt Nam	kg	200
22	Bì nylon trắng có quai	26X40 cm (3kg)	Việt Nam	kg	50
23	Bì nilon xốp vàng có quai □	40x70cm	Việt Nam	kg	50

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật/quy cách và các tiêu chuẩn	Nhóm nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
24	Bì nilon xốp xanh có quai □	60x120cm	Việt Nam	kg	600